

Bản án số: 104/2021/HS-ST
Ngày 29/10/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC C HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư- Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà Nguyễn Thị Chuyên- Cán bộ nghỉ hưu,

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tồn - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 10 N 2021, tại hội T Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh
Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số:
91 /2021/TLST-HS ngày 08/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
99/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 N 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Thanh T, sinh ngày 04/10/1988** tại huyện P, tỉnh Thái
Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao
động tự do; Học vấn: 9/12

Bố đẻ: Phan Thanh H- 1968; Mẹ đẻ: Đỗ Thị H- 1970. Vợ: Dương Thị D-
1989 và 02 con.

Tiền án: Không. Tiền sự: Tại QQĐ số 15/2021/QĐ-TA ngày 18/6/2021
của TAND huyện P áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt
buộc đối với Phan Thanh T với thời hạn là 18 tháng.

Nhân thân: + Tại bản án số 76//2016/HSST ngày 31/11/2016 của TAND
huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phan Thanh T 15 tháng tù về tội “Lừa đảo
chiếm đoạt tài sản”.

+ Tại bản án số 31/2016/HSST ngày 06/12/2016 của TAND huyện Na Rì,
tỉnh Bắc Kạn xử phạt Phan Thanh T 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài
sản”.

+ Tại bản án số 45/2016/HSST ngày 22/12/2016 của TAND huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phan Thanh T 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/7/2021. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: 1. Đới Ngọc S- 1971

Trú tại: Xóm Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.(Vắng mặt)

2. Vương Ngọc L- 1997.(Vắng mặt)

Trú tại: TDP T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên,

3. Ma Đức X- 1984

Trú tại: Xóm N, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

4. Bùi Văn T- 1986. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm C, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. La Văn H- 1987.(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm Na Dau, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi liên quan:

1. Đào Văn C- 1979 (Có mặt)

Trú tại: Xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

2. Đinh Văn H- 1981.(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Vũ Văn B- 1975.(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Ngô Văn N- 1985.(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm C, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Âu Văn K- 1989 (Có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 02/7/2021, Phan Thanh Tđi cắt tre thuê cho anh Đới Ngọc S tại xóm N, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 16 giờ mọi người nghỉ giải lao nên T mượn xe máy của anh Lưu Văn P là người cùng làm thuê đi về nhà anh S. Lúc này nhà anh S có chị Lưu Thị M là vợ anh S đang bán quán cách nhà khoảng 25m. Lợi dụng chị M không để ý T vào trong nhà anh S lấy trộm chiếc máy cưa gỗ loại cầm tay không có nhãn mác đem bán cho anh Đào Văn C, ở xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên lấy 200.000 đồng. Ngày 13/7/2021 anh C đã nộp lại chiếc máy cưa này cho Công an huyện P. Tại kết luận định giá số 43/KL- HĐ ĐGTS ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá tài

sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Giá trị còn lại của chiếc máy cưa là 2.250.000 đồng.

Ngoài ra T còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gồm các vụ sau đây:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 06/7/2021, T đi đến nhà anh Vương Ngọc L ở TDP T, thị trấn Đ chơi. Thấy nhà anh L có chiếc xe máy hiệu ASTREA, S màu đen BKS 20F2- 1068 nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. T rủ L đi bóc gỗ thuê ở xã Y. L đồng ý và lấy xe máy đèo T đến xã Y. Khi đến xã Y thì L bị ngã xe và bị sây sát chân tay. L giao xe cho T điều khiển. T biết xóm Q, xã H là đoạn đường khó đi nên T đã điều khiển xe mô tô đến khu vực này. Khi đến nơi T bảo L xuống đi bộ, sau đó T điều khiển xe đến nhà anh Đinh Văn H ở xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cầm xe lấy 600.000 đồng. Ngày 14/7/2021 anh H đã giao nộp chiếc xe cho Công an huyện P. Tại kết luận định giá số 48/KL- HĐ ĐGTS ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe máy là 4.500.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ ngày 06/7/2021 T đến nhà anh Ma Đức X ở xóm N, xã Ô chơi. T rủ anh X đi uống bia. Anh X đồng ý và dùng xe máy JIALING, BKS 20H3- 0324 chở T đi uống bia. Trong khi uống bia T bảo anh X cho T mượn xe đi mua lốc cưa về thay cưa bị hỏng. Anh X đồng ý. Sau khi lấy được xe T đi đến nhà anh Vũ Thanh B ở xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cầm xe cho anh B lấy 1.000.000 đồng. Ngày 03/8/2021 anh B đã giao nộp chiếc xe cho Công an huyện P. Tại kết luận định giá số 51/KL- HĐ ĐGTS ngày 04/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe máy là 500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 8 giờ ngày 09/7/2021, T đến nhà anh Bùi Văn T ở xóm C, xã C, huyện P chơi và ăn cơm trưa tại nhà anh T. Sau khi ăn cơm xong T hỏi mượn xe máy BKS 20F1- 292.56 của anh T đến nhà người quen ở xã C để vay tiền. Anh T đồng ý và giao xe máy cho T. Sau khi lấy được xe T điều khiển xe đến nhà anh Ngô Văn N ở xóm C, xã H, thành phố Thái Nguyên cầm xe cho anh N lấy số tiền 600.000 đồng. Ngày 14/7/2021 anh N giao nộp chiếc xe máy nói trên cho Công an huyện P. Tại kết luận định giá số 47/KL- HĐ ĐGTS ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe máy là 9.180.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 18 giờ ngày 09/7/2021, T đến nhà anh Lã Văn H ở xóm N, xã P ăn cơm. Thấy anh H có chiếc xe máy BKS 20E1- 215.44 nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt. T rủ anh H đi mua thức ăn và rượu. Anh H đèo T đi mua thức ăn tại quán nhà chị B. Sau đó anh H để T điều khiển xe đến quán nhà anh Lưu Văn S để mua rượu. Do quán không có loại vỏ chai loại 1,5l nên T bảo anh H chờ để T đi mua vỏ chai. Sau đó T điều khiển xe đến nhà anh Âu Văn K ở xóm Kh, xã Y hỏi vay 1.000.000 đồng và gửi xe tại đó. Ngày 14/7/2021 anh K đã giao nộp chiếc xe này cho Công an huyện P. Tại kết luận định giá số 47/KL- HĐ ĐGTS ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe máy của anh H là 6.435.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 91/ CT-VKSPL ngày 06/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phan Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện P giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt bị cáo T mức án từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. 24 đến 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Truy thu số tiền thu lời bất chính của bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Bị hại không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo T khai: Chiều ngày 02/7/2021, bị cáo đi cắt tre thuê cho anh Đới Ngọc S ở xóm N, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 16 giờ mọi người nghỉ giải lao nên Bị cáo mượn xe máy của anh Lưu Văn Phương là người cùng làm thuê đi về nhà anh S. Lúc này nhà anh S có chị Lưu Thị M là vợ anh S đang bán quán cách nhà khoảng 25m. Lợi dụng sơ hở bị cáo vào trong nhà anh S lấy trộm chiếc máy cưa gỗ loại cầm tay không có nhãn mác đem bán cho anh Đào Văn C ở xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên lấy 200.000 đồng. Ngoài việc trộm cắp nói trên ngày 06/7/2021 bị cáo lừa lấy xe máy của anh L đem cần cho anh H lấy 600.000 đồng và lừa lấy xe máy của anh X đem cầm cho anh B lấy 1.000.000 đồng. Ngày 09/7/2021 bị cáo lừa lấy xe máy của anh T đem cầm cho anh N lấy 600.000 đồng và xe máy của anh H đem cầm cho anh K lấy 1.000.000 đồng.

- Lời khai của bị hại là anh Đới Ngọc S, anh Vương Ngọc L, anh Bùi Văn T và anh Lã Văn H và anh Ma Đức X.

- Lời khai người có quyền lợi liên quan.

- Kết luận định giá.

Như vậy hành vi lén lút trộm cắp 01 máy cưa của anh Đới Ngọc S với giá trị tài sản là 2.250.000 đồng vào ngày 02/7/2021 của Phan Thanh T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 173 của BLHS. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe máy của các anh Vương Ngọc L, anh Bùi Văn T và anh Lê Văn H và anh Ma Đức X tổng giá trị tài sản là 21.330.000 đồng của Phan Thanh T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 174 của BLHS.

Tại Điều 173 của BLHS quy định:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 N hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 N”.

Điều 174 của BLHS quy định”

2. “Người nào B thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 N hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 N”.

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà Điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở H tài sản của người khác mà trong vụ án này là Đới Ngọc S, anh Vương Ngọc L, anh Bùi Văn T và anh Lê Văn H và anh Ma Đức X. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo có một nhân thân xấu. Bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản, đã bị xử hình phạt tù như sau khi cải tạo bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Đây là tình tiết nhân thân khi xem xét quyết định hình phạt.

{5}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần xử bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù

về tội “Trộm cắp tài sản” và mức án từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như đề nghị của VKS là phù hợp.

{6}. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra bị hại và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bồi thường nên HDXX không xem xét.

{7}. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Trong vụ án này anh H, anh B, anh C, anh K, anh N là người cho T vay tiền và giữ tài sản do T chiếm đoạt. Tuy nhiên khi cho T vay tiền mọi người đều không biết tài sản đó do T phạm tội mà có, nên hành vi đó không vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 ; khoản 1 Điều 174; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; 55; 38 của BLHS. Điều 136; 329 của BLTTHS. NQ 326 của UBTVQH.

Tuyên bố: Phan Thanh T phạm tội; “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Phan Thanh T: 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 03 năm 06 tháng tù (Không ba năm, không sáu tháng). Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt 14/7/2021. Tạm giam bị cáo T 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

* **Về án phí:** Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, người có quyền lợi liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện P (3b);
- VKSND huyện P (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. P (1b);
- THAHS (03b);
- Bị cáo (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

LƯƠNG ĐỨC LONG

